

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao kinh phí thực hiện miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ ăn trưa cho trẻ mẫu giáo cho các đơn vị sự nghiệp giáo dục năm học 2023 - 2024

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 12

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 07/4/2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố về chính sách đặc thù chăm lo, hỗ trợ người cao tuổi, trẻ em mồ côi và những đối tượng có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn Thành phố;

Căn cứ Nghị quyết số 23/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố về chính sách hỗ trợ giáo dục đối với trẻ em mầm non, học sinh, học viên cao học và nghiên cứu sinh là người dân tộc thiểu số sống tại Thành phố Hồ Chí Minh từ năm học 2022 - 2023;

Căn cứ Công văn số 794/SGDĐT-KHTC ngày 21/3/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện chế độ miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh, sinh viên và chính sách phát triển giáo dục mầm non từ năm học 2021 - 2022;

Căn cứ Công văn số 1406/SGDĐT-KHTC ngày 09/5/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn bổ sung thực hiện chính sách hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em mẫu giáo;

Căn cứ Quyết định số 9133/QĐ-UBND-TC ngày 20/12/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận về giao dự toán chi ngân sách năm 2024;

Xét đề nghị của phòng Giáo dục và Đào tạo tại Công văn số 1581/GDDT ngày 13/11/2024 về việc bổ sung kinh phí miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ ăn trưa cho trẻ 3, 4, 5 tuổi tại các cơ sở giáo dục năm học 2023 - 2024 và đề xuất của phòng Tài chính - Kế hoạch tại Tờ trình số 1661/TTr-TC

ngày 14/11/2024 về việc bổ sung kinh phí thực hiện miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ ăn trưa cho trẻ mẫu giáo cho các đơn vị sự nghiệp giáo dục năm học 2023 - 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách và bổ sung kinh phí cho các đơn vị để thực hiện việc hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ mẫu giáo là thành viên trong gia đình thuộc hộ nghèo, cận nghèo năm học 2023 - 2024 với số tiền 23.040.000 đồng theo các Phụ lục đính kèm.

Nguồn kinh phí thực hiện: Giảm dự toán kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ - sự nghiệp giáo dục đối với nội dung hỗ trợ ăn trưa cho trẻ mẫu giáo đã giao phòng Giáo dục và Đào tạo và tăng dự toán kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ - sự nghiệp giáo dục cho các đơn vị, số tiền 23.040.000 đồng để thực hiện việc hỗ trợ.

Điều 2. Bổ sung kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ - sự nghiệp giáo dục cho các đơn vị với tổng số tiền 1.227.120.000 đồng theo các Phụ lục đính kèm để:

- Thực hiện việc miễn, giảm học phí năm học 2023 - 2024 cho các học sinh thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn Thành phố đang theo học, số tiền 67.340.000 đồng.

- Thực hiện việc miễn, giảm học phí năm học 2023 - 2024 cho các học sinh thuộc diện khuyết tật, thân nhân người có công cách mạng, người dân tộc Chăm và Khmer trên địa bàn Thành phố đang theo học, số tiền 44.080.000 đồng.

- Thực hiện việc hỗ trợ chi phí học tập năm học 2023 -2024 cho các học sinh thuộc diện mồ côi, khuyết tật, hộ nghèo trên địa bàn Thành phố đang theo học, số tiền 1.115.700.000 đồng.

Nguồn kinh phí thực hiện: Giảm dự toán kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ - sự nghiệp giáo dục đối với nội dung hỗ trợ học phí theo Nghị quyết số 36/2023/NQ-HĐND đã giao phòng Giáo dục và Đào tạo và tăng dự toán kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ - sự nghiệp giáo dục cho các đơn vị, số tiền 1.227.120.000 đồng để thực hiện.

Điều 3. Sau khi nhận được quyết định cấp kinh phí, giao Thủ trưởng các đơn vị:

- Chịu trách nhiệm phân bổ dự toán được giao khớp đúng cả về tổng mức và chi tiết theo lĩnh vực chi, đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức, đúng thủ tục và tổ chức công khai tài chính theo quy định của pháp luật.

- Việc chi trả tiền miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập đối với người học ở các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục: Giao phòng Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm chi trả, quyết toán kinh phí miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập trực tiếp (hoặc ủy quyền cho cơ sở giáo dục chi trả) cho cha mẹ (hoặc người giám hộ).

- Đối với các cơ sở giáo dục công lập quận, giao Hiệu trưởng các đơn vị:

+ Nguồn kinh phí ngân sách cấp bù tiền miễn, giảm học phí được hạch toán vào tài khoản thu học phí tương ứng và được sử dụng theo quy định hiện hành về chế độ tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

+ Khi rút dự toán kinh phí cấp bù tiền miễn, giảm học phí, các đơn vị phải gửi Kho bạc Nhà nước bảng tổng hợp đề nghị cấp bù tiền miễn, giảm học phí (Gồm các nội dung: Họ tên người học thuộc diện được miễn, giảm đang theo học; mức thu học phí; mức học phí miễn, giảm và tổng nhu cầu kinh phí đề nghị cấp bù).

+ Việc chi trả, quyết toán kinh phí hỗ trợ chi phí học tập trực tiếp bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản cho cha mẹ (hoặc người giám hộ, người nhận nuôi) do các đơn vị thực hiện.

+ Đối với nguồn kinh phí hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ mẫu giáo: Các đơn vị căn cứ vào thực tế quản lý và cách tổ chức ăn trưa, thống nhất với Ban Đại diện cha mẹ để quyết định 1 trong 2 phương thức chi trả sau (Thông báo công khai cho đối tượng được hỗ trợ):

* Phương thức 1: Giữ lại kinh phí hỗ trợ để tổ chức bữa ăn trưa cho trẻ.

* Phương thức 2: Chi trả trực tiếp bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản cho cha mẹ (hoặc người giám hộ, người nhận nuôi) học sinh được hỗ trợ.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Kho bạc Nhà nước và Hiệu trưởng các đơn vị trường học liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *V.Đức*

Nơi nhận: *N*

- Như điều 4;
- Sở Tài chính;
- UBND/Q (CT, PCT/VX);
- Lưu (VT, Tâm).



CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Đức

CHI TIẾT BỔ SUNG KINH PHÍ
MIỄN GIẢM HỌC PHÍ, HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP VÀ TIỀN ĂN TRƯA CHO TRẺ MẪU GIÁO
NĂM HỌC 2023 - 2024

(Đính kèm theo Quyết định số 7913 /QĐ-UBND-TC ngày 14 tháng 11 năm 2024 của UBND quận)

Đvt: Đồng

ST T	CƠ SỞ GIÁO DỤC	CỘNG TIỀN	Miễn, giảm học phí cho học sinh diện khuyết tật, thân nhân người có công cách mạng, người dân tộc Chăm và Khmer	Miễn, giảm học phí cho học sinh diện hộ nghèo, hộ cận nghèo	Hỗ trợ chi phí học tập học sinh thuộc diện mồ côi, khuyết tật, hộ nghèo	Hỗ trợ ăn trưa cho trẻ mẫu giáo diện hộ nghèo, hộ cận nghèo
	MG Sơn Ca	1.920.000	1.920.000			
	MN Sơn Ca 1	9.040.000	2.880.000	2.080.000	1.200.000	2.880.000
	MN Sơn Ca 3	1.440.000	1.440.000			
	MG Sơn Ca 4	2.350.000		800.000	750.000	800.000
	MN Sơn Ca 6	2.880.000	2.880.000			
	MN Sơn Ca 7	800.000	800.000			
	MN Sơn Ca 8	6.630.000	1.440.000	1.760.000	1.350.000	2.080.000
	MN Hoà Mi 2	5.230.000	1.440.000	800.000	750.000	2.240.000
	MN Bông Hồng	13.080.000	2.880.000	3.440.000	1.800.000	4.960.000
	MN Bé Ngoan	2.880.000	2.880.000			
	MN Bông Sen	4.230.000		1.440.000	1.350.000	1.440.000
	MN Vàng Anh	6.630.000	1.440.000	1.760.000	1.350.000	2.080.000
	MN Mai Vàng	2.640.000	1.440.000	400.000		800.000
	MN Ngọc Lan	1.800.000	1.800.000			
	MN Hoa Đỗ Quyên	4.870.000	640.000	1.440.000	1.350.000	1.440.000
	MN Hoa Phong Lan	2.160.000		720.000		1.440.000
	MN 1 Tháng 4	2.560.000	2.560.000			
	TH Hà Huy Giáp	49.950.000			49.950.000	
	TH Kim Đồng	9.900.000			9.900.000	
	TH Lê Văn Thọ	71.550.000			71.550.000	
	TH Nguyễn Du	37.800.000			37.800.000	
	TH Lý Tự Trọng	15.750.000			15.750.000	
	TH Nguyễn Khuyến	8.700.000			8.700.000	
	TH Nguyễn Thái Bình	27.300.000			27.300.000	
	TH Nguyễn Trãi	66.750.000			66.750.000	

ST T	CƠ SỞ GIÁO DỤC	CỘNG TIỀN	Miễn, giảm học phí cho học sinh diện khuyết tật, thân nhân người có công cách mạng, người dân tộc Chăm và Khmer	Miễn, giảm học phí cho học sinh diện hộ nghèo, hộ cận nghèo	Hỗ trợ chi phí học tập học sinh thuộc diện mồ côi, khuyết tật, hộ nghèo	Hỗ trợ ăn trưa cho trẻ mẫu giáo diện hộ nghèo, hộ cận nghèo
	TH Nguyễn Thị Minh Khai	31.500.000			31.500.000	
	TH Nguyễn Văn Thệ	22.800.000			22.800.000	
	TH Phạm Văn Chiêu	49.350.000			49.350.000	
	TH Quang Trung	23.100.000			23.100.000	
	TH Quới Xuân	32.400.000			32.400.000	
	TH Thuận Kiều	19.800.000			19.800.000	
	TH Trương Định	14.100.000			14.100.000	
	TH Võ Thị Thừa	22.650.000			22.650.000	
	TH Nguyễn An Khương	6.900.000			6.900.000	
	TH Trần Quốc Toàn	1.500.000			1.500.000	
	THCS An Phú Đông	56.250.000			56.250.000	
	THCS Lương Thế Vinh	30.600.000			30.600.000	
	THCS Nguyễn An Ninh	33.300.000			33.300.000	
	THCS Nguyễn Ảnh Thủ	16.800.000			16.800.000	
	THCS Nguyễn Hiền	51.900.000			51.900.000	
	THCS Nguyễn Huệ	105.300.000			105.300.000	
	THCS Nguyễn Trung Trực	31.200.000			31.200.000	
	THCS Nguyễn Vĩnh Nghiệp	27.900.000			27.900.000	
	THCS Phan Bội Châu	49.200.000			49.200.000	
	THCS Trần Hưng Đạo	40.800.000			40.800.000	
	THCS Trần Quang Khải	42.150.000			42.150.000	
	THCS Hà Huy Tập	12.150.000			12.150.000	
	THCS Trần Phú	22.800.000			22.800.000	
	THCS Tô Ngọc Vân	19.350.000			19.350.000	
	TT GDNN-GDTX	120.840.000	16.200.000	50.940.000	53.700.000	
	Phòng GDĐT (các trường ngoài công lập)	6.680.000	1.440.000	1.760.000	600.000	2.880.000
	TỔNG CỘNG	1.250.160.000	44.080.000	67.340.000	1.115.700.000	23.040.000

DANH SÁCH TRẺ EM MÀU GIAO ĐƯỢC HỖ TRỢ ĂN TRƯA

NĂM HỌC 2023 - 2024

(Đính kèm theo Quyết định số 794/QĐ-UBND TC ngày 14 tháng 11 năm 2024 của UBND quận)



TT	Trường	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Đối tượng	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
	MN Sơn Ca 1	Nguyễn Thanh Hào	19-06-2018	160.000	Hộ nghèo, cận nghèo	9	1.440.000	
	MN Sơn Ca 1	Huỳnh Tấn Lộc	06-10-2018	160.000	Hộ nghèo, cận nghèo	9	1.440.000	
	MN Sơn Ca 4	Nguyễn Lý Hoàng Phát	13-01-2019	160.000	Hộ nghèo, cận nghèo	5	800.000	
	MN Sơn Ca 8	Huỳnh Ngọc Như Ý	02-06-2019	160.000	Hộ nghèo	9	1.440.000	
	MN Sơn Ca 8	Nguyễn Sỹ Tuấn	05-06-2018	160.000	Hộ cận nghèo	4	640.000	
	MN Hòa Mi 2	Nguyễn Ngọc Bảo Anh	06-12-2019	160.000	Con thương binh	9	1.440.000	
	MN Hòa Mi 2	Hồ Nguyễn Nhật Trường	12-08-2019	160.000	Hộ nghèo	5	800.000	
	MN Bông Hồng	Lê Phương Ân	10-03-2019	160.000	Hộ nghèo, cận nghèo	4	640.000	
	MN Bông Hồng	Nguyễn Hoài An	29-08-2018	160.000	Hộ nghèo, cận nghèo	9	1.440.000	
	MN Bông Hồng	Nguyễn Dương Thiên Ân	02-12-2019	160.000	Hộ nghèo, cận nghèo	9	1.440.000	
	MN Bông Hồng	Phạm Ngọc Gia Bảo	18-11-2020	160.000	Hộ nghèo, cận nghèo	9	1.440.000	
	MN Bông Sen	Đặng Phương Hồng Ngọc	20-04-2019	160.000	Hộ nghèo, cận nghèo	9	1.440.000	
	MN Vàng Anh	Nguyễn Trần Nhã Vy	14-04-2020	160.000	Hộ cận nghèo	4	640.000	
	MN Vàng Anh	Đinh Võ Hải Đăng	14-10-2019	160.000	Hộ nghèo	9	1.440.000	
	MN Mai Vàng	Huỳnh Ngọc Thanh Trúc	08-02-2018	160.000	Hộ cận nghèo	5	800.000	
	MN Hoa Đỗ Quyên	Hồ Xuân Khuê Ngọc	01-03-2018	160.000	Hộ nghèo	9	1.440.000	
	MN Hoa Phong Lan	Dương Hoàng Anh Thư	20-07-2018	160.000	Hộ cận nghèo	9	1.440.000	
	MN Ánh Hồng	Võ Ngọc Tuệ Nhi	08-11-2018	160.000	Hộ nghèo, cận nghèo	9	1.440.000	
	LMG Vườn Ươm	Huỳnh Hoàng Quân	20-09-2019	160.000	Hộ cận nghèo	9	1.440.000	
		Tổng cộng					23.040.000	

